

# Đền Cờn trong thư tịch cổ Việt Nam

Nguyễn Đức Huệ\*

**Tóm tắt:** Đền Cờn (xã Quỳnh Phương, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An) thờ Tứ vị thánh nương, được các triều đại quân chủ Việt Nam ban sắc phong là Đại Càn quốc gia Nam Hải Tứ vị thánh nương và được dân gian xếp đứng đầu trong 4 ngôi đền thiêng của xứ Nghệ. Bài viết này điểm lại những thư tịch cổ (sử sách, tạp ký, thơ văn, văn bia) từng đề cập đến Đền Cờn và các nhân vật được thờ ở đây.

**Từ khóa:** Đền Cờn; thư tịch; lịch sử; Nghệ An.

## 1. Đền Cờn với việc thờ Tứ vị thánh nương

Đền Cờn (thuộc xã Quỳnh Phương, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An) được xếp vào hàng linh thiêng bậc nhất trong 4 ngôi đền thiêng của xứ Nghệ (xứ Nghệ nói ở đây gồm cả Nghệ An và Hà Tĩnh): nhất Cờn, nhì Quả, tam Bạch Mã, tứ Chiêu Trưng. Chủ thần Đền Cờn là Tứ vị thánh nương, được ban sắc phong là Đại Càn quốc gia Nam Hải Tứ vị thánh nương; chủ thần đền Quả Sơn là Lý Nhật Quang (Hoàng tử thứ tám của Lý Thái tổ); chủ thần đền Bạch Mã là tướng quân Phan Đà và chủ thần đền Chiêu Trưng là Vũ Mục vương Lê Khôi (công thần triều Lê sơ). Dân gian có câu “Nghệ cậy Thần”, câu này có lẽ chỉ sự linh thiêng của chủ thần bốn ngôi đền kể trên.

Đền Cờn và chủ thần là Đại Càn quốc gia Nam Hải Tứ vị thánh nương được thư tịch Việt Nam ghi chép từ rất sớm, trước hết phải kể đến *Việt điện u linh* của Lý Tế Xuyên. Theo Lời tựa *Việt điện u linh tập* thì Lý Tế Xuyên biên soạn sách này vào năm Khai Hựu thứ 1 (1329) đời Trần Anh Tông. Phần biên soạn của Lý Tế Xuyên chỉ gồm 28 truyện, chia làm ba loại: *Lịch đại quân nhân* (vua các đời), *Lịch đại phụ thân* (bề tôi các đời) và *Hạo khí anh linh* (Sự tích linh thiêng). Sang thế kỷ XV, Nguyễn Văn

Chất soạn *Tục Việt điện u linh tập* mới bổ sung thêm 4 truyện, trong đó có *Càn Hải môn từ* - viết về Đền Cờn và các vị thần được thờ ở Đền.

Truyện *Càn Hải môn từ* của Nguyễn Văn Chất cho hay: “Trong năm Thiệu Bảo thứ nhất (1279) đời Trần Nhân Tông, bên Trung Quốc, Trương Hoàng Phạm đem quân đánh úp quân Tống ở Nhai Sơn. Quân Tống bị tan vỡ, Tả thừa tướng là Lục Tú Phu ôm Đế Bính cùng nhảy xuống biển, tướng sĩ nhà Tống chết đuối hơn 10 vạn người. Ba mẹ con phu nhân ôm lấy cột buồm của một chiếc thuyền, trôi dạt đến một ngôi chùa trên bờ biển. Sư chùa thương, bèn cho mẹ con vào ở chùa và nuôi cho ăn. Được mấy tháng ba mẹ con khi đã lại sức, trở nên béo tốt, vẻ mặt phu nhân coi tuyệt đẹp. Sư động lòng muốn tư thông, bị phu nhân cự tuyệt. Sư xấu hổ gieo mình xuống bể chết. Mẹ con phu nhân cùng khóc rằng: “Chúng ta vì sư mà được sống, nay sư vì chúng ta mà phải chết, sao nữ yên tâm”. Rồi ba mẹ con đâm đầu xuống bể mà chết cả, xác trôi đến cửa Cờn Hải thuộc huyện

(\*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0912070556. Email: ducnhuevsh@gmail.com.

Quỳnh Lưu, phủ Diễn Châu, vẻ mặt vẫn tươi như lúc còn sống. Thổ dân lấy làm lạ, vớt lên tắng, thấy rất hiển linh, mới lập đền thờ. Phàm những thuyền đi bể, gặp khi sóng gió nguy hiểm, kêu cầu đều được thoát nạn. Sau các nơi cửa bể đều lập đền thờ, đền nào cũng có tiếng thiêng”.

Như vậy, từ cuối thế kỷ XIII, trong Thần điện Việt Nam, Tứ vị Thánh nương trở nên linh thiêng và được thờ phổ biến ở các địa phương ven biển từ Bắc vào Nam, đặc biệt là các địa phương Thanh Hóa, Nghệ An. Theo thống kê chưa đầy đủ trong *Thanh Hóa chư thần lục* thì riêng các địa phương ven biển huyện Hoằng Hóa (Thanh Hóa) có

tới 20 nơi thờ, cả tỉnh Thanh Hóa có hơn 70 nơi thờ Tứ vị Thánh nương. Nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Ninh Viết Giao cho biết, ở các địa phương ven biển Nghệ An có đến 30 làng thờ [3]. Theo nhà nghiên cứu Ngô Đăng Lợi thì ở Hải Phòng có 26 địa phương thờ phụng. Ở Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình cũng có nhiều làng thờ Tứ vị thánh nương.

Tứ vị thánh nương được nhiều địa phương trong cả nước phụng thờ. Nhiều làng xã còn giữ được Thần tích. Dưới đây là danh mục Thần tích về Đại Càn quốc gia Nam Hải Tứ vị Thánh nương hiện lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

TT	Địa phương	Tên Thần tích - Thần phả	Chủ thần được thờ
1	Áp An Lễ (tổng Ninh Mỹ, Hải Hậu, Nam Định)	Quốc mẫu Tổng hậu thần tích	Đại Càn quốc gia Nam Hải tam tòa tứ vị hồng thánh nương đại vương
2	Xã Bình Hòa (tổng Thổ Mật, Yên Mô, Ninh Bình)	Tứ vị Thánh mẫu tôn thần	Thượng đẳng quốc mẫu tứ vị thánh nương
3	Xã Cống Thủy, Yên Khánh, Ninh Bình.	Đại Nam phụng quốc sự đại càn tứ vị thánh mẫu sự tích	Thái hậu và ba con gái
4	Xã Cơ Xá (huyện Hoàn Long)	Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương ngọc phả	Hoàng hậu Càn nương; Công chúa Hồng Liên; Hồng Hạnh và Thị nữ
5	Xã Hà Thanh (tổng Thổ Mật, Yên Mô, Ninh Bình)	Quốc mẫu vua bà thánh tích	Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương
6	Xã Hải Linh (tổng Lễ Thần, Đông Quan, Thái Bình)	Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị hồng nương ngọc phả lục	Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị hồng nương đoàn trang trình thực cẩn tiết thượng đẳng thần
7	Xã Lã Điền (tổng Bách Tính, Mỹ Lộc, Nam Định)	Quốc mẫu Tổng hậu thần tích	Đại Càn quốc gia Nam Hải tam tòa tứ vị hồng thánh nương đại vương
8	Áng Lương Phúc (tổng Bồng Hải, Yên Khánh, Ninh Bình)	- Càn Hải Triệu phu nhân phả - Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương sự tích	Quốc mẫu vương bà Hoàng Việt quốc gia Nam Hải tứ vị thượng đẳng thần

9	Xã Mạc Hạ (tổng Công Xá, Nam Xương, Hà Nam)	Nam Việt Tống triều quốc mẫu tứ vị hồng nương Càn Hải linh từ cổ lục	Tứ vị hồng nương phu nhân
10	Xã Ninh Cường (tổng Ninh Cường, Trục Ninh, Nam Định)	Tống triều Dương hậu tứ vị thánh nương ngọc phả lục	Tống triều Dương hậu tứ vị thánh nương
11	Xã Ninh Mật (tổng Tự Tân, Kim Sơn, Ninh Bình)	Ninh Mật trại thần tích	Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thượng đẳng thần
12	Xã Phú Khê (tổng Phú Khê, Tiên Lãng, Hải Phòng)	Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương phả lục	Đại Càn quốc gia Nam Hải thần chiêu linh ứng tứ vị thánh nương thượng đẳng phúc thần
13	Xã Phương Nại (tổng Thổ Mật, Yên Mô, Ninh Bình)	Thánh tích nhất bản	Tứ vị Thánh nương
14	Xã Thổ Mật (tổng Thổ Mật, Yên Mô, Ninh Bình)	Thần tích quốc mẫu vua bà hoàng Triệu quốc gia Nam Hải Đại Càn áng nhất nương, nhị nương, tam nương, tứ nương tứ vị thánh nương đại vương	Thượng đẳng thần quốc mẫu tứ vị Thánh nương
15	Xã Trì Đồng (tổng Thanh Quyết, Gia Viễn, Ninh Bình)	Quốc mẫu Vua bà Hoàng Việt quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương	Tống triều hoàng hậu và ba con
16	Xã Trùng Quang (tổng Quế Hải, Hải Hậu, Nam Định)	Nam Hải Tống Thiên hậu ngọc phả lục	Đại Càn quốc gia Nam Hải tam tòa tứ vị hồng nương thánh mẫu đại vương

Trong hàng trăm ngôi đền thờ *Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương* trên phạm vi cả nước thì Đền Cờn là nơi thờ chính. Những sự tích xung quanh Đền Cờn và các vị chủ thần cũng được thư tịch cổ nước ta ghi chép khá nhiều.

Các bộ chính sử nước ta như *Đại Việt sử ký toàn thư*; *Đại Việt sử ký tiền biên* (Ngô Thì Sĩ); *Quốc sử toàn yếu* (Nguyễn Huy Oánh); *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Quốc sử quán triều Nguyễn) đều ghi chép về Đền Cờn liên quan đến sự kiện vua Trần Anh Tông đem quân đi đánh Chiêm Thành vào năm Hưng Long thứ 20

(1312). Ngoài ra, Đền Cờn còn được ghi chép trong các sách Địa lý học lịch sử, các Tạp ký như: *Lịch triều Hiến chương loại chí* (Phan Huy Chú); *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* (Lê Quang Định); *Nghệ An ký* (Bùi Dương Lịch); *Đại Nam nhất thống chí*, *Đồng Khánh địa dư chí* (Quốc sử quán triều Nguyễn), *Thượng kinh ký sự* (Lê Hữu Trác); *Lan Trì kiến văn lục* (Vũ Trinh) hay trong các bài thơ chữ Hán của Lê Thánh Tông, của đại thi hào Nguyễn Du...

## 2. Đền Cờn trong một số bộ sử

- *Đại Việt sử ký toàn thư* do Ngô Sĩ Liên và sử thần triều Lê biên soạn, dâng lên vua

Lê Thánh Tông vào năm 1479. Trong *Kỷ nhà Trần*, phần viết về Trần Anh Tông có nhắc đến sự nghiệp chinh Chiêm của vua Trần Anh Tông năm 1311 - 1312 và việc ứng mộng ở Đền Cờn như sau: “Lập đền thờ thần ở cửa bể Cần Hải. Trước đây, vua thân đi đánh Chiêm Thành, đến cửa biển Cần Hải (nguyên trước là Cần Hải vì tránh tên húy đời là Cần Hải), đóng quân ở đây, đêm chiêm bao thấy có thần nữ khóc và nói: “Thiếp là cung phi nhà Triệu Tống, bị giặc bức bách, gặp sóng gió chết trôi dạt đến đây, thượng đế phong cho làm thần biển ở đây đã lâu, nay thấy bệ hạ đem quân đi, thiếp xin giúp đỡ lập công”. Khi thức dậy, vua cho gọi các cô lão ở đây hỏi sự thực, ban tế một tuần rồi đi, thì biển không nổi sóng, tiến thẳng đến thành Chà Bàn, bắt được vua Chiêm đem về. Đến nay sai hữu ty lập đền, tuế thì cúng tế” [5, tr.101-102].

- *Quốc sử toàn yếu* do Nguyễn Huy Oánh biên soạn nửa sau thế kỷ XVIII chép về sự kiện trên như sau: “Cho lập đền thờ thần ở cửa biển Cần Hải. Trước kia vua trú quân ở Cần Hải, đêm mơ thấy nữ thần xưng là cung phi nhà Triệu Tống, nguyện theo quân giúp đỡ lập công. Khi vua tỉnh dậy, cho tế lễ rồi xuất quân, suốt dọc đường biển không gặp sóng gió nữa. Rồi tiến quân đến thẳng Đồ Bàn, đánh thắng trở về” [6, tr.159].

- *Đại Việt sử ký tiền biên* do Ngô Thì Sĩ biên soạn, in năm Canh Thân, niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 8 (1800), đoạn viết về Đền Cờn: “Lập đền thờ thần ở cửa biển Cần Hải. Trước đây vua đi đánh giặc, đêm đóng doanh ở cửa Cần Hải (trước còn là Cần Hải, sau vì kiêng húy đời là Cần). Đêm mộng thấy thần nữ khóc và nói: “Thiếp là cung phi nhà Triệu Tống, bị giặc bức bách gặp nạn sóng gió trôi dạt đến đây. Thượng đế phong thiếp làm thần biển đã lâu, nay bệ hạ đem quân đi, thiếp xin giúp để lập công”.

Khi tỉnh dậy, triệu các cô lão đến hỏi sự thực, cho tế lễ rồi sau mới xuất phát vì thế biển không nổi sóng, quân tiến thẳng đến thành Đồ Bàn, bắt được vua Chiêm đem về... Đến khi ấy sai quan lập đền thờ, bốn mùa cúng tế” [9, tr.414].

Những thông tin về Đền Cờn qua các bộ sử kể trên tương đối thống nhất và đều cho biết Đền Cờn được lập vào năm 1312, sau khi Trần Anh Tông chiến thắng Chiêm Thành trở về, còn theo *Cần Hải môn từ* trong *Việt điện u linh tập* thì Đền Cờn được lập trước đó mấy chục năm. Liên quan đến thời điểm dựng Đền Cờn là nội dung tấm bia *Đại Cần điện tạo lệ cổ tích bi* được tạo năm Cảnh Trị thứ 2 (1664). Đây là bia đình ở thôn Cần Miếu, xã Hương Cần, huyện Quỳnh Lưu. Bia do các quan viên trong xã đứng tên khắc lại lệnh chỉ của các đời Trần Anh Tông (1312); Lê Thánh Tông năm Hồng Đức thứ 2 (1471), niên hiệu Khánh Đức 1 (1649), Thịnh Đức 3 (1655), Cảnh Trị 1 (1663) và Cảnh Trị 2 (1664). Các lệnh chỉ này công nhận thôn Cần Miếu được làm tạo lệ (phu quét dọn) đền thờ Đại Cần quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương, được miễn nộp các loại thuế, miễn cung ứng sai dịch, kể cả đóng góp công sức đắp đường, đắp đê, bắc cầu, đào sông. Mặt sau của bia có kê khai lại việc các đời trước, khắc thêm lệnh chỉ năm Hưng Long (đời Trần Anh Tông) và năm Hồng Đức thứ 2 (1471) có cấp thêm cho đền 2 suất “thị nữ” (để hầu Thần) [11, tr.186 - 187].

### 3. Đền Cờn trong các bộ địa lý học lịch sử

- *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* của Lê Quang Định là tập sách do Lê Quang Định biên soạn xong năm Gia Long thứ 5 (1806). Tập sách chủ yếu ghi chép về lộ trình đường trạm từ Kinh sư (Huế) đi vào Nam và ra Bắc. Trên đường trạm qua trấn Nghệ An, Lê Quang Định có nhắc đến Đền

Còn: “phía nam là dân cư thôn Càn Miếu, phía bắc là đất hoang, phía đông có ngôi miếu do dân thôn này thờ Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương vương linh thần. Nguyên là triều Tống có bà Độ Tông hoàng hậu sinh ra hai cô con gái, khi nhà Tống mất bị vị nguyên soái trực xuất, hậu cùng hai cô con gái đi thuyền ra biển, không may bị bão trôi dạt vào Nhãn Sơn ở biển Nam, trên núi này có nhà sư mời bà lên nhưng bà từ chối không ở lại rồi bà cầm tay hai con cùng nhảy xuống biển, nhà sư tự thấy hổ thẹn cũng nhảy theo. Hồn phách của bà biến thành thần biển, hóa làm cây gỗ trầm hương trôi vào Cửa Càn và hiển hiện linh ứng, dân địa phương nghinh cây trầm hương vào lập miếu thờ phụng. Khi vua Trần Anh Tông đem quân đi đánh Chiêm Thành, mộng thấy âm binh phò trợ, lúc chiến thắng trở về ngang qua miếu bỗng dưng sóng gió nổi lên, thuyền quân không thể nào đi được, vua nhớ lại chiêm bao trước bèn sai quan đến miếu làm lễ cáo, lúc ấy sóng gió mới lặng yên, vua gia phong và cho sửa sang miếu vũ bằng ngói. Trong khi Lê Thái Tổ bình Ngô mở nước, thần miếu này cũng giúp rập có công nên cũng được ban hoàng kim ngọc tổ. Trong lần Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, nhà vua có mật nguyện ở miếu này và chiến thắng, trên đường khải hoàn, nhà vua tặng bài thơ như sau:

Mạc nô lạc thạch phiến châu quy  
Càn Hải sơn đầu tưởng đảo thì  
Nhất thủy bạch toàn thiên tiệp hiêm  
Quần phong thúy chủy thạch bình nguy  
Phong đào cửu tinh Trần Tông mộng  
Hương hỏa do lưu Thánh nữ từ (từ)  
Bình hải loan man kim thịnh hội  
Trương dư khởi thị hạc thần quy” [2, tr.399 - 400].

(Dịch nghĩa bài thơ: Bên tường khắc thơ thưở quân về/Đầu non Càn Hải nhớ

ngày đi/Một dòng lai láng trời cao thể/Dãy núi nguy nga đá đỡ nguy/Sóng gió vua Trần lâu tinh mộng/Lửa hương Thánh nữ mãi còn ghi/Nước non yên ấm mừng hội lớn/Há lẽ cùng ta phụ lòng chi).

- *Lịch triều hiến chương loại chí* do Phan Huy Chú biên soạn (xong năm 1821). Trong sách này, phần Dư địa chí, mục Cổ tích phủ Diên Châu viết về Đền Càn Hải: “Ở cửa Càn Hải, huyện Quỳnh Lưu. Tương truyền ngày xưa có ba mẹ con công chúa nhà Nam Tống chết đuối ở biển trôi dạt đến đây, hình dáng còn nguyên như lúc sống, nhân dân ở đây lấy làm lạ, đưa đi chôn cất cẩn thận. Về sau, khi Trần Thánh Tông (một số nhà nghiên cứu cho rằng, Phan Huy Chú ghi sai, đúng ra là Trần Anh Tông, chứ không phải là Trần Thánh Tông) đi đánh giặc ở phía nam, đóng quân ở cửa biển, đêm nằm thấy có người con gái báo mộng rằng: “Thiếp là con gái họ Triệu, vì sóng gió nên bị chết đuối. Thượng đế cho làm thần ở biển này đã lâu. Nay thấy nhà vua đi đánh phía nam, thiếp xin giúp”. Hôm sau nhà vua cho hỏi những người già lão ở đấy, được biết rõ chuyện. Đến khi vua đi, biển im không có sóng. Vua mới sai lập đền để thờ. Từ đấy về sau, vẫn linh thiêng lắm, miếu hiệu là Thánh Nương, thờ làm thượng đẳng thần. Việc chép rõ ở sách [Việt điện] u linh. Chi Am Phan [Huy Ôn] có vịnh thơ:

Hương hỏa thiên thu âm tặc Tống  
Phong ba nhất mộng mặc phù Trần” [1, tr.81].

(Nghĩa của hai câu thơ là: Có đền thờ hương khói nghìn thu là ngầm giúp cho dòng dõi vua Tống được dài lâu/Hiện vào giấc mộng ngầm giúp cho vua nhà Trần đi biển được yên sóng gió).

- *Nghệ An ký* [4, tr.205] do Bùi Dương Lịch biên soạn khoảng đầu thế kỷ XIX không viết cụ thể về Đền Càn. Tuy nhiên

khi viết về cửa Càn Hải có chép đến bài thơ vua Lê Thánh Tông vịnh Cửa Cờn như trong công trình của Lê Quang Định.

- *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn trong mục Đền miếu tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Nghệ An có đề cập đến Đền Cờn:

“*Tỉnh Thanh Hóa*: Đền bốn vị Thánh Nương ở xã Y Bích, huyện Hậu Lộc thờ bà Dương Thái hậu nhà Tống và ba vị công chúa. Các vị này có hơn 70 ngôi đền khắp miền duyên hải thuộc tỉnh...

*Tỉnh Nghệ An*: Đền Càn Hải ở xã Hương Càn, huyện Quỳnh Lưu. Năm Tường Hưng đời Tống, quân Tống tan vỡ ở Nhai Sơn, bà Dương Thái hậu cùng ba công chúa đều nhảy xuống bể. Trời chợt nổi gió bão, xác trôi dạt vào Cửa Cờn, nhan sắc vẫn như lúc còn sống. Người ở đấy liền lập đền thờ. Sử chép: Năm Hưng Long thứ 20 (1312), vua Trần Anh Tông thân chinh Chiêm Thành. Khi thuyền đến Cửa Cờn, đêm ấy Thần báo mộng rằng: “Thiếp là phi tử nhà Triệu Tống, bị giặc đuổi gáp, phải khốn đốn, vì sóng gió, trôi dạt tới đây, được Thượng đế sắc phong làm Thần ở cửa bể này đã lâu. Nay xin giúp vua để diệt giặc”. Sau khi tỉnh dậy, vua sai sửa lễ kính tế. Khi cất quân ra đi, sóng gió yên lặng, quân vào thẳng thành Đồ Bàn, thắng lớn. Đến khi khải hoàn, vua gia phong Thần là Quốc gia Nam Hải Đại Cờn Thánh nương, mở rộng đền miếu. Năm Hồng Đức thứ nhất đời Lê (1470), vua Thánh Tông thân chinh Chiêm Thành. Khi thuyền qua cửa Cờn, có đến đền mặt đảo thì sóng êm gió lặng. Quân ta tiến thẳng vào đất Chiêm, thắng được quân Chiêm. Khi kéo quân về, thuyền vua đã qua cửa Biện, tự nhiên gió dông nổi lên, quay buồm cho thuyền trở lại dưới đền. Vua bèn gia phong, cho dựng thêm đền miếu và đặt tên chỗ quay thuyền là thôn Đông Hòi. Về sau đền

này vẫn luôn linh ứng, hàng năm cứ đến tháng Chạp có hội đua thuyền, thiên hạ đến xem rất đông. Triều ta [tức triều Nguyễn] đã gia phong. Nay khắp trong nước nhiều nơi có đền thờ” [8, tr.929].

#### 4. Đền Cờn trong thơ văn, tạp ký

- Lê Thánh Tông trong *Chinh Tây kỷ hành* và *Minh lương cảm tú* có 2 bài viết về Đền Cờn.

Bài 1: *Dạ nhập Xước cảng thi (Thập nhất nhật nguyệt thị bát nhật)*

Xước cảng đồng long báo nhị canh  
Lệnh truyền lục tốt phát trùng doanh  
Đồi Ôi sơn thượng tình lam át  
Thánh nữ từ tiền tịch thủy sinh  
Giáp sĩ minh đăng lâm lộc khư  
Lâu thuyền quá cổ dạ trung hành  
Quân vương giá ngự tư quân sách  
Tế tế tài năng dĩ vụng chinh.

(Dịch nghĩa: Ngày 28 tháng 11

Đến Xước cảng lúc đồng hồ vừa báo canh hai

Lệnh truyền sáu quân nhỏ trại lên đường  
Trên núi Đồi Ôi khí núi che phủ  
Trước đền Thánh Nữ nước triều đang dâng

Quân sĩ đốt đuốc tiến tới ven rừng  
Nhà vua thân đi đánh dẹp, có biết bao người giúp đỡ kẻ sách

Nhân tài nườm nượp xúm xít giúp cho việc quân) [14, tr.155 - 156].

Bài 2: *Càn Hải môn lý thứ*

Triều triều phiếm phiếm thái chu di  
Càn Hải xuyên đầu tướng đảo thì  
Nhất thủy bạch toàn thiên tạm hiểm  
Quần sơn thúy tụ thạch bình nguy  
Phong đảo cửu tinh Anh Tông mộng  
Hương hòa do khâm Thánh Nữ từ  
Tại Tại cù đồng ca đế đức  
Hà hoang vô xứ bất ung hi.

(Dịch nghĩa: Nghi lại ở cửa biển Càn

Chiếc thuyền hoa lệnh đênh lướt trên đầu ngọn thủy triều

Nghĩ đến cảnh tượng đầu sông Càn Hải  
Dòng nước dồn về trắng xóa, tựa hào  
trời thật hiem yếu

Dãy núi tụ màu xanh biếc, như bình  
phong đá rêu ngắt cao

Sóng gió làm ta tỉnh giấc mộng về vua  
Anh Tông

Khói hương chứng tỏ mọi người còn  
kính thờ ngôi đền Thánh Nữ

Đó đây vẫn vẳng tiếng trẻ hát ca ngợi  
công đức của vua

Nơi xa xôi hoang vu chỗ nào cũng thái  
bình yên ổn) [14, tr.229 - 230].

- Đại thi hào Nguyễn Du có bài thơ sau  
về Đền Cờn:

*Dao vọng Càn Hải từ*

Mang mang hải thủy tiếp thiên xu

Ẩn ức cô từ xuất tiểu chu

Cổ mộc hàn liên phù chữ mộ

Tình yên thanh dẫn hải môn thu

Hào thiên tướng tướng đan tâm tận

Phủ địa Quỳnh Nhai khối nhục vô

Tiểu nhĩ Minh Phi trường xuất tái

Tì bà bôi tửu khuyết Thiên Vu.

(Phạm Khắc Khoan và Lê Thuớc dịch  
bài thơ này như sau:

*Xa trông Đền Cờn*

Mặt nước mênh mông bể lẫn trời

Ngôi đền thấp thoáng bãi ngoài khơi

Bến phù chiều tới cây man mác

Cửa bể thu dồn khói tả tơi

Khanh tướng uổng bao lòng tiết nghĩa

Quỳnh Nhai vui khối thịt mỡ côi

Nực cười cho ả Minh Phi nhé

Rượu chúc đàn ngân nịnh chúa Hời)  
[dẫn theo: 10, tr.323 - 324 - 230].

- *Thượng kinh ký sự* của Hải thượng Lãn  
Ông Lê Hữu Trác, biên soạn xong năm  
Cảnh Hưng 44 (1783). Trên đường ra Thăng  
Long, Lê Hữu Trác có ghé qua Đền Cờn.  
Ông viết:

“Ngày hai mươi ba, đi từ sáng sớm tới  
câu Kim Lan. Mọi người xuống ngôi đền

ven biển, rồi từ ngoài lễ vọng vào. Quan  
Văn thư hỏi: Nghe nói đền này thờ một vị  
thần thiêng nhất ở trấn Nghệ An. Tôi vì ở  
xa tới nên chưa rõ sự tích cho lắm” (Tôi ở  
đây là Lê Hữu Trác).

“Năm xưa tôi từng đi qua nơi đây, có hỏi  
chuyện các cụ già. Các cụ có kể lại cho biết,  
dẫu câu chuyện truyền miệng có sai lạc đi,  
nhưng so với sử sách vẫn đúng. Sử Tống có  
chép rằng sau khi đánh nhau với quân Kim  
bị thua, Trương Thế Kiệt cõng vua Đế Bình  
chạy trốn ra biển, rồi bị sóng to gió lớn  
thuyền đắm nên chết đuối cả. Hoàng hậu và  
hai cô Công chúa bám lấy ván thuyền và  
trôi dạt vào bờ. Có người trong làng trông  
thấy bèn liều mình cứu được. Sau người  
cứu vớt này sinh lòng mờ ám, Hoàng hậu  
nghiêm sắc mặt cự tuyệt. Người kia xấu hổ  
quá nhảy xuống biển chết, Hoàng hậu than  
rằng: “Ta nhờ người ấy mà được sống, bây  
giờ người ấy lại vì ta mà chết. Vậy có lẽ  
nào ta sống một mình ư?”. Bèn cũng nhảy  
xuống biển mà chết. Hai cô gái thương  
khóc thảm thiết, rồi cũng nhảy theo cả  
xuống biển. Về sau rất hiển linh. Người dân  
ở ven biển dựng đền thờ làm thần, đến nay  
hương khói không dứt.

Quan văn thư nghe chuyện than thở mãi  
không thôi. Tôi bèn đọc một đôi câu đối:

Đại Tống cơ đồ thiên cổ hận

Nam thiên vũ trụ tứ thời xuân”.

(Dịch nghĩa:

Đất Tống cơ đồ nghìn thuở hận

Trời Nam vũ trụ bốn mùa xuân) [13,  
tr.667 - 668].

- *Lan Trì kiến văn lục* do Vũ Trinh biên  
soạn khoảng cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ  
XIX. Trong sách có bài Thần Cửa Cờn, nội  
dung như sau:

“Đền Cửa Cờn ở Nghệ An thờ bốn vị  
Thánh nương. Tương truyền, trong trận  
Nhai Sơn vào năm Tường Hưng, quân Tống

thua to, Dương Thái hậu và ba công chúa nhảy xuống biển tự tử, gió đưa dạt vào Cửa Cờn. Lênh đênh trên biển mấy ngàn dặm, sắc mặt vẫn như còn sống. Sóng to gió lớn là vậy, mà thân hình vẫn nguyên vẹn. Sự chừa nhìn thấy quần áo nhọ mặc, lấy làm lạ, vớt lên đem chôn cất tử tế. Sau này dấu thiêng hiển ứng, người địa phương làm đền thờ, được liệt vào Tự điển, là đệ nhất linh thần của nước ta.

Mấy chục năm trước, người trong thôn làm hai pho ngựa đá đặt thờ trong đền. Đêm nọ Lý trưởng nằm mơ thấy Thánh nương đến trước mặt dụ rằng:

- Dân ấp này làm ngựa đá, thợ chạm rất vụng về. Nay thần biển xây dựng cung điện, thợ đá ở đó rất khéo, ta sẽ tới đó nhờ chúng chạm khắc ngựa đá khác.

Sớm hôm sau, Lý trưởng kể lại giấc mơ, thì một người trong thôn cũng mơ thấy vậy.

Mấy hôm sau, nước sông đột ngột dâng lên đến tận đền, hai con ngựa đá bỗng mất tăm. Đến khoảng mười hôm sau, lại thấy ngựa đá ở nguyên chỗ cũ, không sai một ly. Nhìn kỹ thì lông, bờm, đuôi, móng đều chạm khắc cực kỳ tinh xảo. Người xem đều cho là thợ quý làm” [13, tr.833].

- Học sĩ Nguyễn Viên qua thăm Đền Cờn (cuối thế kỷ XVIII). Nguyễn Viên là người làng Bột Thượng (nay là xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa), là cháu nội Hương công Nguyễn Quỳnh (khởi hình của nhân vật dân gian Trạng Quỳnh), đỗ Hương công năm 1779, sau làm quan dưới triều Gia Long nhà Nguyễn với chức Cần chính điện Học sĩ kiêm Thái thường Tự khanh, mất năm 1804. Ông có lưu lại Đền đôi câu đối:

Xã tác phát phum, bất ư Mông Cổ đồng thiên địa

Cương thường nhật nguyệt trường đối ly thiên chiếu cổ kim.

(Dịch nghĩa:

Đa tóc của non song, không đội trời chung với Mông Cổ

Cương thường như nhật nguyệt soi cùng kim cổ mãi trời Nam) [7, tr.387].

### Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, t.1, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
- [2] Lê Quang Định (2005), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Nxb Thuận Hóa - Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
- [3] Ninh Viết Giao (2000), *Tục thờ Thần và Thần tích Nghệ An*, Vinh.
- [4] Bùi Dương Lịch (1998), *Nghệ An ký*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Ngô Sĩ Liên và sử thần triều Lê (1967), *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Huy Oánh (2003), *Quốc sử toàn yếu*, Nxb Thuận Hóa - Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
- [7] Quốc sử quán triều Nguyễn (2005), *Đại Nam liệt truyện* t.2, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [8] Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, t.1, Nxb Lao động - Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây Hà Nội.
- [9] Ngô Thì Sĩ (1997), *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [10] *Văn hóa dân gian làng ven biển* (2000), Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [11] Viện nghiên cứu Hán Nôm (1993), *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [12] Viện Nghiên cứu Hán Nôm (1996), *Bảng tra Thần tích theo địa danh làng xã*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [13] Viện Nghiên cứu Hán Nôm (1997), *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*, t.1, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [14] Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2003), *Thơ chữ Hán Lê Thánh Tông*. Nxb Văn học, Hà Nội.

